

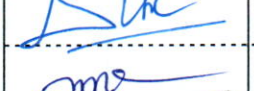
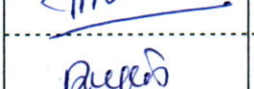
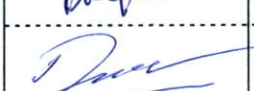
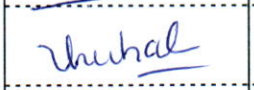
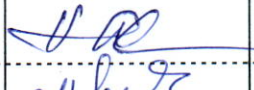
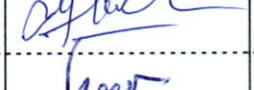
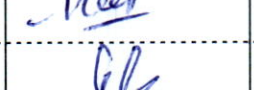
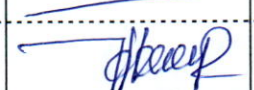
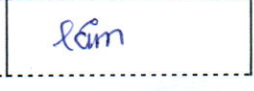
**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ,
HỆ TẬP TRUNG A54A, KHOÁ HỌC 2024-2025**

DỰ THI KẾT THÚC PHẦN HỌC

Phần C.II Nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam.

Ngày thi: 25/6/2024; Thời gian làm bài: 180 phút;

Phòng thi: Số 05.

SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	SỐ TỜ	Ký nộp	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
1	Phạm Huy Bình	26/12/1991	02		21	75	Kiểm, nhận
2	Lê Trọng Cảnh	28/8/1992	03		19	80	Tam
3	Hoàng Thị Minh Châu	06/5/1992	03		6	80	Tam
4	Trần Thị Diễm Chi	30/7/1981	03		28	80	Tam
5	Nguyễn Thị Hồng Diễm	20/8/1991	03		25	825	Tam, hai năm
6	Lê Thị Hoàng Duyên	08/4/1983	03		2	80	Tam
7	Nguyễn Thanh Dương	14/3/1991	03		51	875	Tam, bảy năm
8	Ninh Tiến Đạt	30/11/1994	02		16	75	Kiểm, nhận
9	Võ Thị Thu Hà	18/10/1984	03		14	80	Tam
10	Nguyễn Phúc Hải	23/02/1988	03		44	90	Chín
11	Mai Văn Hạnh	03/8/1981	02		41	725	Kiểm, hai năm
12	Nguyễn Đức Hạnh	15/01/1991	02		23	75	Kiểm, nhận
13	Đào Sỹ Hiệp	18/5/1987	02		7	775	Kiểm, bảy năm
14	Lưu Văn Khoa	27/8/1978	02		4	775	Kiểm, bảy năm
15	Đặng Thị Thu Kiều	21/05/1987	03		42	80	Tam
16	Hoàng Hữu Kỳ	18/10/1990	03		3	80	Tam
17	Phạm Thị Lanh	05/9/1991	03		32	80	Tam
18	Hoàng Văn Lâm	14/9/1993	02		34	775	Kiểm, bảy năm



SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	SỐ TỜ	Ký nộp	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
19	Nguyễn Thị Liên	18/11/1983	03		1	80	Tam
20	Trần Văn Lợi	01/03/1985	02		35	763	Bảy, sáu ba
21	Trần Đình Lực	01/5/1988	02		18	75	Bảy, năm
22	Trần Thị Mai	13/7/1986	03		38	875	Tam, bảy năm
23	Nguyễn Thái Nam	07/6/1988	03		37	788	Bảy, tam tam
24	Nguyễn Thanh Nam	20/10/1974	03		33	763	Bảy, sáu ba
25	Nguyễn Thị Ngọc	02/01/1988	03		12	80	Tam
26	Nguyễn Tây Nguyên	11/6/1985	02		29	763	Bảy, sáu ba
27	Châu Thị Huyền Nhung	20/12/1989	04		46	85	Tam, năm
28	H Thâm Niê	20/10/1985	03		45	80	Tam
29	Y Rô Quy Niê	05/05/1994	03		39	80	Tam
30	Nguyễn Thị Oanh	26/10/1980	03		8	80	Tam
31	Trần Thị Kim Oanh	08/3/1987	03		40	80	Tam
32	Giàng Seo Quang	15/7/1995	03		48	80	Tam
33	Lê Chí Quyết	30/01/1993	02		17	75	Bảy, năm
34	Ksor Y Sinh	14/10/1986	02		43	725	Bảy, hai năm
35	Trương Quang Thái	12/10/1992	02		10	775	Bảy, bảy năm
36	Phan Long Thành	21/6/1992	03		5	875	Tam, bảy năm
37	Lê Văn Thân	10/8/1990	03		36	875	Tam, bảy năm
38	Lý Tài Thi	25/11/1980	03		49	775	Bảy, bảy năm
39	Nguyễn Thị Thi	05/6/1992	03		22	80	Tam
40	Lê Thị Thôn	26/10/1986	03		50	875	Tam, bảy năm
41	Nguyễn Văn Thông	12/9/1989	02		31	763	Bảy, sáu ba
42	Trần Thị Lệ Thủy	22/10/1991	03		24	80	Tam
43	Nguyễn Thị Thư	15/3/1983	03		47	825	Tam, hai năm

AN VI
 ỨNG
 A TR
 Đ

SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	SỐ TỜ	Ký nộp	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
44	Huỳnh Thanh Toàn	24/01/1987	02		13	75	bảy, năm
45	Dương Thị Minh Trang	06/01/1991	03	Trang	26	80	tám
46	Trần Thị Thuỳ Trang	30/6/1999	03	Trang	15	75	bảy, năm
47	Nguyễn Thị Tú Trinh	15/9/1979	02		27	90	chín
48	Lương Đặng Anh Tuấn	08/12/1992	02		30	738	bảy, ba tám
49	Cao Thị Thành Vinh	25/5/1980	02	Thị	20	75	bảy, năm
50	Phạm Ngọc Hải Yến	18/11/1991	03		11	80	tám

Tổng số học viên theo danh sách:.....50.....học viên;

Số học viên không đủ điều kiện thi:.....0.....học viên (lý do.....)

Số học viên đủ điều kiện thi:.....50.....học viên;

Số học viên vắng thi:.....0.....học viên; trong đó: có lý do:...../..... học viên; không có lý do:...../..... học viên;

Số bài thi hiện có:.....50.....bài/.....133.....tờ.

CÁN BỘ COI THI 01

Lê Thị Chuyền

Ngày.....20.....tháng.....06.....năm 2024

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

Trương Khoa
TRƯỞNG KHOA

Lê Hữu Đạt



Nguyễn Thành Dũng

CÁN BỘ COI THI 02

Võ Thị Thông

Ngày.....28.....tháng.....06.....năm 2024

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Đoàn Thị Mai
TRƯỞNG PHÒNG QLĐT & NCKH

TS. Lê Duyên Hà